

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
MÔN: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ (ĐỢT 1)
(Ngày thi: 24/03/2017)

TT	MSHS	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú 2
1	131062498	Nguyễn Minh	Hải	10/06/1995	Nam	5.5	Năm năm	DD	
2	131061888	Phạm Tổ	Quyên	02/12/1994	Nữ	3.5	Ba năm	DD	TL
3	141071067	Nguyễn Ngọc	Thúy	12/11/1996	Nữ	7.0	Bảy	DD	TL
4	1510510026	Nguyễn Ngọc	Cường	17/03/1992	Nam	6.5	Sáu năm	DS	
5	151059400	Hoàng Thị	Dung	18/04/1996	Nữ	9.0	Chín	DS	
6	151059979	Trần Thị Minh	Hải	01/03/1981	Nữ	5.0	Năm	DS	
7	141061361	Phạm Thị Kim	Hiển	09/01/1996	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
8	1510510022	Đoàn Thị Yến	Ly	15/09/1997	Nữ	6.0	Sáu	DS	
9	121057891	Trần Quang	Minh	02/12/1997	Nam	3.5	Ba năm	DS	
10	215313729	Tạ Thị Trà	My	02/09/1994	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
11	151059395	Phạm Võ Mỹ	Ngọc	13/01/1995	Nữ	8.0	Tám	DS	
12	131051541	Nguyễn An	Nhân	13/08/1985	Nam	7.0	Bảy	DS	
13	151059973	Phạm Thị Túc	Phúc	01/02/1990	Nữ	Miễn	Miễn	DS	
14	1510510025	Hoàng Thái	Sơn	07/11/1982	Nam	5.0	Năm	DS	
15	141050601	Nguyễn Thanh	Thúy	27/07/1976	Nữ	6.0	Sáu	DS	
16	131051943	Lê Văn	Toàn	10/04/1988	Nam	3.0	Ba	DS	
17	321568041	Hồ Thị Huyền	Trang	24/09/1997	Nữ	7.0	Bảy	DS	
18	131052367	Trần Thị Thanh	Trúc	04/12/1995	Nữ	8.5	Tám năm	DS	
19	131101962	Nguyễn Linh	Trường	28/07/1989	Nữ	6.0	Sáu	DS	
20	141051101	Bùi Thị Bích	Vân	24/07/1999	Nữ	8.0	Tám	DS	
21	131181958	Lê Thị	Trình	17/10/1994	Nữ	3.0	Ba	SPMN	TL
22	141160683	Bùi Thị	Bảy	07/10/1984	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
23	141160925	Phạm Thị Thúy	Đào	03/05/1995	Nữ	8.0	Tám	XN	
24	142161686	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1981	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
25	141160700	Vũ Thị	Hải	02/12/1982	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
26	152169960	Bùi Thị Kim	Hằng	28/10/1985	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
27	141161488	Đổng Thị Yến	Huê	16/10/1995	Nữ	7.5	Bảy năm	XN	
28	141160702	Phạm Thị Như	Hường	05/08/1988	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
29	141161372	Trịnh Thị Thu	Hường	05/10/1987	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
30	141161117	Nguyễn Thanh	Loan	04/01/1995	Nữ	5.0	Năm	XN	
31	142161693	Bùi Thị	Lớp	04/11/1983	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
32	141161005	Tạ Thục	Mỹ	22/04/1995	Nữ	3.5	Ba năm	XN	
33	152169973	Phan Cao	Nam	28/12/1985	Nam	Miễn	Miễn	XN	
34	141161676	Phạm Thị	Oanh	09/12/1987	Nữ	Miễn	Miễn	XN	

TT	MSHS	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú 2
35	142161695	Thi Phối	Phối	13/06/1987	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
36	301254094	Nguyễn Hữu	Phùng	02/01/1987	Nam	Miễn	Miễn	XN	
37	142161692	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	04/02/1989	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
38	141160794	Đoàn Ngọc	Thảo	22/02/1992	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
39	141160744	Đào Công	Thoại	01/12/1994	Nam	6.5	Sáu năm	XN	
40	141160750	Ngô Thị Mộng	Trình	08/07/1981	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
41	151169956	Nguyễn Thị	Tú	15/10/1985	Nữ	Miễn	Miễn	XN	
42	141070946	Phạm Thị Ngọc	Hân	22/09/1996	Nữ	5.5	Năm năm	YS	
43	141071129	Nguyễn Thị	Ngân	06/07/1996	Nữ	6.0	Sáu	YS	TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

KT. HỘI ĐỒNG THI
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. LÊ LỘC ĐÀI TRUNG

BAN CHẤM THI

(Đã ký)

LÊ ĐỨC ANH

KIỂM TRA

(Đã ký)

VÕ THỊ THÙY DƯƠNG

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
MÔN: LÝ THUYẾT TỔNG HỢP (ĐỢT 1)
(Ngày thi: 24/03/2017)

TT	MSHS	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú
1	131062498	Nguyễn Minh	Hải	10/06/1995	Nam	5.5	Năm năm	DD	
2	1510510026	Nguyễn Ngọc	Cường	17/03/1992	Nam	7.5	Bảy năm	DS	
3	151059400	Hoàng Thị	Dung	18/04/1996	Nữ	5.5	Năm năm	DS	
4	151059979	Trần Thị Minh	Hải	01/03/1981	Nữ	7.0	Bảy	DS	
5	141061361	Phạm Thị Kim	Hiển	09/01/1996	Nữ	8.0	Tám	DS	
6	1510510022	Đoàn Thị Yên	Ly	15/09/1997	Nữ	4.5	Bốn năm	DS	
7	121057891	Trần Quang	Minh	02/12/1997	Nam	3.5	Ba năm	DS	
8	215313729	Tạ Thị Trà	My	02/09/1994	Nữ	6.0	Sáu	DS	
9	151059395	Phạm Võ Mỹ	Ngọc	13/01/1995	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
10	131051541	Nguyễn An	Nhân	13/08/1985	Nam	4.5	Bốn năm	DS	
11	151059973	Phạm Thị Túc	Phúc	01/02/1990	Nữ	8.5	Tám năm	DS	
12	1510510025	Hoàng Thái	Sơn	07/11/1982	Nam	6.5	Sáu năm	DS	
13	131052640	Phan Đức	Sơn	23/01/1985	Nam	2.5	Hai năm	DS	TL
14	141050601	Nguyễn Thanh	Thúy	27/07/1976	Nữ	8.5	Tám năm	DS	
15	131051943	Lê Văn	Toàn	10/04/1988	Nam	4.0	Bốn	DS	
16	321568041	Hồ Thị Huyền	Trang	24/09/1997	Nữ	6.5	Sáu năm	DS	
17	131052367	Trần Thị Thanh	Trúc	04/12/1995	Nữ	6.5	Sáu năm	DS	
18	131101962	Nguyễn Linh	Trường	28/07/1989	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
19	141051101	Bùi Thị Bích	Vân	24/07/1999	Nữ	8.0	Tám	DS	
20	141160683	Bùi Thị	Bảy	07/10/1984	Nữ	9.0	Chín	XN	
21	141160925	Phạm Thị Thúy	Đào	03/05/1995	Nữ	7.5	Bảy năm	XN	
22	142161686	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1981	Nữ	8.0	Tám	XN	
23	141160700	Vũ Thị	Hải	02/12/1982	Nữ	10.0	Mười	XN	
24	152169960	Bùi Thị Kim	Hằng	28/10/1985	Nữ	10.0	Mười	XN	
25	141161488	Đổng Thị Yên	Huê	16/10/1995	Nữ	7.0	Bảy	XN	
26	141160702	Phạm Thị Như	Hường	05/08/1988	Nữ	9.0	Chín	XN	
27	141161372	Trịnh Thị Thu	Hường	05/10/1987	Nữ	10.0	Mười	XN	
28	141161117	Nguyễn Thanh	Loan	04/01/1995	Nữ	5.0	Năm	XN	
29	142161693	Bùi Thị	Lốp	04/11/1983	Nữ	10.0	Mười	XN	
30	141161005	Tạ Thục	Mỹ	22/04/1995	Nữ	7.0	Bảy	XN	
31	152169973	Phan Cao	Nam	28/12/1985	Nam	5.5	Năm năm	XN	
32	141161676	Phạm Thị	Oanh	09/12/1987	Nữ	9.0	Chín	XN	
33	142161695	Thị Phối	Phối	13/06/1987	Nữ	9.5	Chín năm	XN	
34	301254094	Nguyễn Hữu	Phùng	02/01/1987	Nam	9.0	Chín	XN	

TT	MSHS	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú
35	142161692	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	04/02/1989	Nữ	7.0	Bảy	XN	
36	141160794	Đoàn Ngọc	Thảo	22/02/1992	Nữ	7.0	Bảy	XN	
37	141160744	Đào Công	Thoại	01/12/1994	Nam	7.0	Bảy	XN	
38	141160750	Ngô Thị Mộng	Trình	08/07/1981	Nữ	9.0	Chín	XN	
39	151169956	Nguyễn Thị	Tú	15/10/1985	Nữ	10.0	Mười	XN	
40	141070946	Phạm Thị Ngọc	Hân	22/09/1996	Nữ	5.0	Năm	YS	
41	141060310	Trần Thị	Hoài	22/04/1983	Nữ	5.5	Năm năm	YS	TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

KT. HỘI ĐỒNG THI
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

BAN CHẤM THI

(Đã ký)

KIỂM TRA

(Đã ký)

ThS. LÊ LỘC ĐÀI TRUNG

LÊ ĐỨC ANH

VÕ THỊ THÙY DƯƠNG

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
MÔN: THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 1)
(Ngày thi: 25/03/2017)

TT	MSHS	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm số	Điểm chữ	Ngành	Ghi chú
1	131062498	Nguyễn Minh	Hải	10/06/1995	Nam	8.0	Tám	DD	
2	1510510026	Nguyễn Ngọc	Cường	17/03/1992	Nam	8.5	Tám năm	DS	
3	151059400	Hoàng Thị	Dung	18/04/1996	Nữ	7.5	Năm	DS	
4	151059979	Trần Thị Minh	Hải	01/03/1981	Nữ	8.0	Tám	DS	
5	141061361	Phạm Thị Kim	Hiển	09/01/1996	Nữ	7.0	Bảy	DS	
6	121052433	Hồ Thị Thanh	Hồng	18/05/1993	Nữ	4.0	Bốn	DS	TL
7	1510510022	Đoàn Thị Yến	Ly	15/09/1997	Nữ	8.0	Tám	DS	
8	121057891	Trần Quang	Minh	02/12/1997	Nam	3.5	Ba năm	DS	
9	215313729	Tạ Thị Trà	My	02/09/1994	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
10	151059395	Phạm Võ Mỹ	Ngọc	13/01/1995	Nữ	9.0	Chín	DS	
11	131051541	Nguyễn An	Nhân	13/08/1985	Nam	7.0	Bảy	DS	
12	151059973	Phạm Thị Túc	Phúc	01/02/1990	Nữ	9.0	Chín	DS	
13	1510510025	Hoàng Thái	Sơn	07/11/1982	Nam	9.0	Chín	DS	
14	131052640	Phan Đức	Sơn	23/01/1985	Nam	Vắng	Vắng	DS	TL
15	141050601	Nguyễn Thanh	Thúy	27/07/1976	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	
16	131051943	Lê Văn	Toàn	10/04/1988	Nam	6.5	Sáu năm	DS	
17	321568041	Hồ Thị Huyền	Trang	24/09/1997	Nữ	7.0	Bảy	DS	
18	131101962	Nguyễn Linh	Trường	28/07/1989	Nữ	5.0	Năm	DS	
19	131052367	Trần Thị Thanh	Trúc	04/12/1995	Nữ	9.0	Chín	DS	
20	141050209	Trần Văn	Tùng	12/02/1990	Nam	7.0	Bảy	DS	TL
21	141051101	Bùi Thị Bích	Vân	24/07/1999	Nữ	9.0	Chín	DS	
22	121052489	Huỳnh Toàn	Vũ	18/10/1992	Nam	Vắng	Vắng	DS	TL
23	1510510031	Úc Thị Xuân	Tươi	01/05/1993	Nữ	7.5	Bảy năm	DS	TL
24	151059963	Lê Trúc	Phương	26/09/1990	Nữ	5.0	Năm	DS	TL
25	141070946	Phạm Thị Ngọc	Hân	22/09/1996	Nữ	7.0	Bảy	YS	
26	141160683	Bùi Thị	Bảy	07/10/1984	Nữ	7.0	Bảy	XN	
27	141160925	Phạm Thị Thúy	Đào	03/05/1995	Nữ	7.0	Bảy	XN	
28	142161686	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1981	Nữ	8.0	Tám	XN	
29	141160700	Vũ Thị	Hải	02/12/1982	Nữ	9.0	Chín	XN	
30	152169960	Bùi Thị Kim	Hằng	28/10/1985	Nữ	10.0	Mười	XN	
31	141161488	Đổng Thị Yến	Huê	16/10/1995	Nữ	10.0	Mười	XN	
32	141160702	Phạm Thị Như	Hường	05/08/1988	Nữ	9.0	Chín	XN	
33	141161372	Trịnh Thị Thu	Hường	05/10/1987	Nữ	9.0	Chín	XN	
34	141161117	Nguyễn Thanh	Loan	04/01/1995	Nữ	10.0	Mười	XN	
35	142161693	Bùi Thị	Lốp	04/11/1983	Nữ	10.0	Mười	XN	

